

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제5호의4서식]
<개정 2023. 12. 29.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản [Mẫu đính kèm số 5-4]
<Sửa đổi 2023. 12. 29.>

부동산거래관리시스템
(rtms.molit.go.kr)에서도 신청할 수 있습니다.
Có thể đăng ký thông qua Hệ thống quản lý giao dịch bất động sản (rtms.molit.go.kr).

주택 임대차 계약 변경 신고서

ĐƠN KHAI BÁO THAY ĐỔI HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

※ 뒤쪽의 유의사항 · 작성방법을 읽고 작성하시기 바랍니다. (앞쪽)
※ Vui lòng tham khảo nội dung lưu ý và cách điền đơn ở mặt sau trước khi điền. (Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일시 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	지체 없이 Ngay lập tức
①신고필증 관리번호			
①Số quản lý giấy chứng nhận khai báo			
②임대인 ②Người cho thuê	성명(법인 · 단체명) Họ tên (tên pháp nhân, tổ chức)	주민등록번호(법인 · 외국인등록 · 고유번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân, số đăng ký người nước ngoài, số định danh)	
	주소(법인 · 단체 소재지) Địa chỉ (địa chỉ pháp nhân, tổ chức)		
	전화번호 Số điện thoại	휴대전화번호 Số di động	
③임차인 ③Người thuê	성명(법인 · 단체명) Họ tên (tên pháp nhân, tổ chức)	주민등록번호(법인 · 외국인등록 · 고유번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân, số đăng ký người nước ngoài, số định danh)	
	주소(법인 · 단체 소재지) Địa chỉ (địa chỉ pháp nhân, tổ chức)		
	전화번호 Số điện thoại	휴대전화번호 Số di động	
소재지 Địa chỉ (주소) (địa chỉ)			
④계약 기간 ④Thời gian hợp đồng	년 월 일 ~ 년 월 일 Từ năm tháng ngày ~ năm tháng ngày		
⑤기존 임대료	보증금 Tiền cọc	원 Won	
⑤Tiền thuê hiện tại	월 차임 Tiền thuê hằng tháng	원 Won	
⑥변경 임대료	보증금 Tiền cọc	원 Won	
⑥Tiền thuê mới	월 차임 Tiền thuê hằng tháng	원 Won	

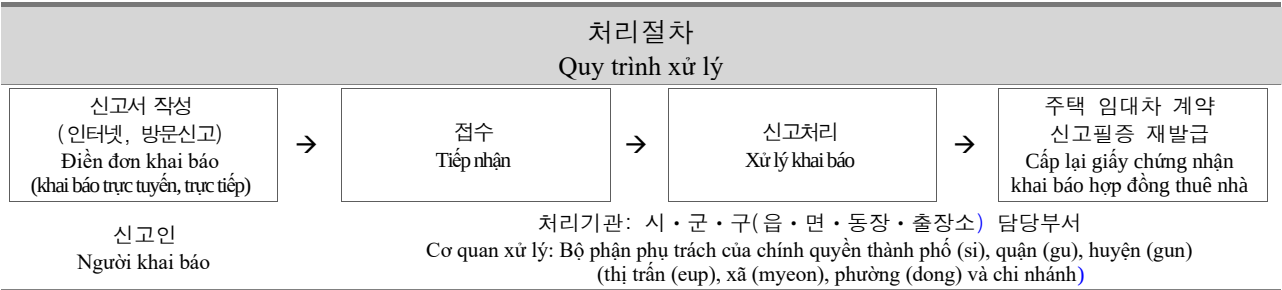
<p>첨부서류 Hồ sơ đính kèm</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. 주택 임대차 변경 계약서(「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의5제3항에 따른 확정일자를 부여받으려는 경우 및 같은 법 시행규칙 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제3항·제9항에 따른 경우에만 해당합니다) 1. Hợp đồng thay đổi việc thuê nhà ở (chỉ áp dụng cho các trường hợp muốn có ngày xác nhận theo khoản 3 Điều 6-5 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và trường hợp tương ứng khoản 3, khoản 9 Điều 6-2 được lấy làm căn cứ tại khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”) 2. 임대차 가격이 변경된 사실을 입증할 수 있는 서류 등(「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제3항에 따라 단독으로 신고하는 경우로서 주택 임대차 변경 계약서를 제출하지 않는 경우만 해당합니다) 2. Tài liệu chứng minh thay đổi giá thuê (chỉ áp dụng cho các trường hợp đơn phương khai báo theo khoản 3 Điều 6-2 được lấy làm căn cứ tại khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và không nộp hợp đồng thay đổi việc thuê nhà) 3. 단독신고사유서(「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의3제2항 및 같은 법 시행규칙 제6조의3제2항에 따라 단독으로 주택 임대차 계약 변경 신고를 하는 경우만 해당합니다) 3. Bản tường trình lí do khai báo đơn phương (chỉ áp dụng khi đơn phương khai báo thay đổi hợp đồng thuê nhà theo khoản 2 Điều 6-3 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và khoản 2 Điều 6-3 Thông tư hướng dẫn Luật này)
---	---

유의사항 Nội dung lưu ý

- 「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제6조의3제1항 및 같은 법 시행규칙 제6조의3제1항에 따라 주택 임대차 계약 당사자는 이 신고서에 공동으로 서명 또는 날인해 계약 당사자 중 일방 또는 1명이 신고서를 제출해야 하고, 계약 당사자 중 일방이 국가, 지방자치단체, 공공기관, 지방직영기업, 지방공사 또는 지방공단인 경우(국가등)에는 국가등이 신고해야 합니다.
- Theo khoản 1 Điều 6-3 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” và khoản 1 Điều 6-3 Thông tư hướng dẫn Luật này, các bên trong hợp đồng thuê nhà ở phải cùng ký tên hoặc đóng dấu vào đơn khai báo này và một trong các bên hoặc 1 người phải nộp đơn; nếu một trong các bên trong hợp đồng là nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức công, công ty do địa phương trực tiếp quản lý, công ty thuộc chính quyền địa phương, hoặc tổng công ty địa phương (nhà nước,...), phía nhà nước, v.v. phải báo cáo.
- 주택 임대차 계약의 당사자가 다수의 임대인 또는 임차인인 경우 계약서에 서명 또는 날인한 임대인 및 임차인 1명의 인적사항을 적어 제출할 수 있습니다.
- Nếu các bên trong hợp đồng thuê nhà nhiều hơn một người cho thuê hoặc người thuê, có thể điền thông tin cá nhân của 1 người cho thuê và người thuê đã ký tên hoặc đóng dấu trong hợp đồng và nộp.
- 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제3항에 따라 주택 임대차 계약 당사자 일방이 이 신고서에 주택 임대차 변경 계약서 또는 주택 임대차 계약이 변경된 사실을 입증할 수 있는 서류 등(주택 임대차 변경 계약서를 작성하지 않은 경우만 해당합니다)을 첨부해 제출하는 경우에는 계약 당사자가 공동으로 신고한 것으로 봅니다.
- Trường hợp một bên trong hợp đồng thuê nhà nộp hợp đồng thay đổi việc thuê nhà hoặc tài liệu chứng minh việc hợp đồng thuê nhà được thay đổi kèm theo khai báo này (chỉ áp dụng đối với trường hợp chưa lập hợp đồng thay đổi việc thuê nhà) theo khoản 3 Điều 6-2 được lấy làm căn cứ tại khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” thì được coi là đã cùng khai báo.
- 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의5에 따라 주택 임대차 계약 당사자로부터 주택 임대차 계약 변경 신고서의 작성 및 제출을 위임받은 자는 제출인란에 서명 또는 날인해 제출해야 합니다.
- Theo Điều 6-5 của “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”, người được một bên trong hợp đồng thuê nhà ủy quyền lập và nộp đơn khai báo thay đổi hợp đồng thuê nhà phải ký tên hoặc đóng dấu trong mục người nộp đơn và nộp.
- 「부동산 거래신고 등에 관한 법률 시행규칙」 제6조의3제4항에서 준용하는 제6조의2제9항에 따라 신고인이 변경 사항이 모두 적힌 주택 임대차 변경 계약서를 신고관청에 제출하면 주택 임대차 계약 변경 신고서를 제출하지 않아도 됩니다. 이 경우 신고관청에서 주택 임대차 변경 계약서로 임대차 가격 변경 사항 모두를 확인할 수 없으면 주택 임대차 계약 변경 신고서의 제출을 요구할 수 있습니다.
- Theo khoản 9 Điều 6-2 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản” được căn cứ ở khoản 4 Điều 6-3 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”, nếu người khai báo nộp cho cơ quan khai báo hợp đồng thay đổi việc thuê nhà có tất cả nội dung thay đổi, thì không cần nộp đơn khai báo thay đổi hợp đồng thuê nhà. Trong trường hợp này, nếu cơ quan khai báo không thể xác nhận đầy đủ các nội dung thay đổi giá thuê trong bằng hợp đồng thay đổi việc thuê nhà thì có quyền yêu cầu nộp đơn khai báo thay đổi hợp đồng thuê nhà.
- 임대차 가격의 변경이 확정된 날부터 30일 이내에 신고하지 않거나, 거짓으로 신고하는 경우 「부동산 거래신고 등에 관한 법률」 제28조제5항제3호에 따라 100만원 이하의 과태료가 부과됩니다.
- Nếu không khai báo trong vòng 30 ngày kể từ xác định thay đổi giá thuê hoặc khai báo không đúng sự thật, sẽ bị phạt tiền tối đa 1 triệu won theo điểm 3 khoản 5 Điều 28 “Luật Đăng ký giao dịch bất động sản”.

작성방법 Cách điền đơn

- 신고필증 관리번호란에는 종전의 주택 임대차 계약 신고에 따라 발급받은 주택 임대차 계약 신고필증에 적힌 관리번호를 적습니다.
- Trong mục số quản lý giấy chứng nhận khai báo, điền số quản lý ghi trên giấy chứng nhận khai báo hợp đồng thuê nhà đã cấp theo khai báo hợp đồng thuê nhà trước đó.
- ② • ③ 임대인 및 임차인의 성명 • 주민등록번호 등 인적사항을 적으며, 주택 임대차 계약의 당사자가 다수의 임대인 또는 임차인인 경우 계약서에 서명 또는 날인한 임대인 및 임차인 1명의 인적사항을 적어 제출할 수 있습니다.
- ② • ③ Điền thông tin cá nhân như họ tên và số chứng minh thư Hàn của người cho thuê và người thuê. Nếu các bên trong hợp đồng thuê nhà nhiều hơn một người cho thuê hoặc người thuê, có thể điền thông tin cá nhân của 1 người cho thuê và người thuê đã ký tên hoặc đóng dấu trong hợp đồng và nộp.
- ④ 계약 기간란에는 종전에 신고한 주택 임대차 계약의 계약 기간을 적습니다.
- ④ Trong mục Thời gian hợp đồng, điền thời gian hợp đồng của hợp đồng thuê nhà đã khai báo trước đó.
- ⑤ • ⑥ 기존 임대료란에는 종전에 신고한 임대료를 적고, 변경 임대료란에는 변경된 임대료를 적습니다.
- ⑤ • ⑥ Điền tiền thuê được khai báo trước đó vào mục tiền thuê hiện tại và tiền thuê được thay đổi vào cột tiền thuê mới.
- ⑦ 변경 계약 체결일란에는 주택 임대차 가격의 변경이 확정된 날짜를 적습니다.
- ⑦ Ở mục ngày kí kết thỏa thuận thay đổi, điền ngày xác định việc thay đổi giá thuê.
- ※ 같은 임대인과 임차인이 소재지(주소)가 다른 다수의 주택에 대해 일괄하여 체결한 임대차 계약의 가격이 변경된 경우에도 종전에 신고한 임대목적물 건별로 각각 주택 임대차 계약 변경 신고서를 작성해 제출해야 합니다.
- ※ Dù thay đổi giá thuê giữa cùng một người cho thuê và người thuê đối với nhiều toà nhà có địa điểm (địa chỉ) khác nhau vẫn phải lập và nộp đơn khai báo thay đổi hợp đồng thuê nhà đối với từng đối tượng cho thuê.



210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]